BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VĂN PHÒNG
*
Số 123-TB/VPTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới

---

Ngày 08/7/2026, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chủ trì buổi làm việc với Bộ Nội vụ và một số cơ quan về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới. Tham dự buổi làm việc có đồng chí Nguyễn Thanh Nghị, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng[1] và đại diện lãnh đạo một số cơ quan, ban, bộ, ngành Trung ương[2]. Sau khi nghe báo cáo của lãnh đạo Bộ Nội vụ, ý kiến đóng góp của các đại biểu, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm kết luận như sau:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Cần nhận thức rõ chất lượng nguồn lao động Việt Nam là tài sản vô giá của quốc gia; là yếu tố nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; chăm lo cho người lao động là chăm lo cho tương lai đất nước; đầu tư cho nguồn lực con người không chỉ là chính sách xã hội, mà là chiến lược phát triển quốc gia; Việt Nam có lực lượng lao động đông, cần cù, ham học hỏi, có khả năng thích ứng với điều kiện làm việc mới. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới, những lợi thế này chỉ phát huy hiệu quả khi được chuyển hoá thành nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển thành kỹ năng, kỷ luật, năng suất và năng lực sáng tạo.

---

[1] Đồng chí Nguyễn Hải Ninh, Uỷ viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; đồng chí Đỗ Thanh Bình, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ; đồng chí Hoàng Minh Sơn, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng chí Vũ Hải Quân, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng chí Nguyễn Đình Khang, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

[2] Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong thời gian qua, việc làm và thu nhập của người lao động tiếp tục được cải thiện, tỉ lệ thất nghiệp thấp, là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, phát triển nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, đó là: *(i)* Lao động chi phí thấp không còn là lợi thế dài hạn. *(ii)* Thiếu lao động phù hợp với yêu cầu phát triển; thiếu kỹ năng nghề, kỷ luật, tác phong công nghiệp, ngoại ngữ, kỹ năng số, kỹ năng xanh. *(iii)* Lao động phi chính thức còn lớn, tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên còn cao, cơ cấu đào tạo và việc làm còn lệch, già hoá dân số diễn ra nhanh. *(iv)* Việc đánh giá chất lượng nguồn lao động còn bất cập, mới tập trung chủ yếu coi trọng về số lượng chưa coi trọng chất lượng, hiệu quả sử dụng và đóng góp vào năng suất lao động quốc gia.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống

1.1. Phát triển mạnh cầu lao động tại đô thị thông qua thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, nhất là kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số và kinh tế xanh. Quy hoạch phát triển phải gắn với mục tiêu tạo việc làm bền vững; thu hút và ưu đãi đầu tư phải hướng tới các dự án tạo việc làm có năng suất, giá trị cao, chuyển giao công nghệ và đào tạo lao động trong doanh nghiệp.

1.2. Phát triển mạnh khu vực việc làm chính thức, từng bước thu hẹp khu vực việc làm phi chính thức, mở rộng diện bao phủ của quan hệ lao động và an sinh xã hội. Có chính sách phù hợp để lao động phi chính thức, hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển sang khu vực chính thức thuận lợi hơn; bảo đảm người lao động được ký hợp đồng, được tham gia bảo hiểm, được bảo vệ quyền lợi và có điều kiện nâng cao kỹ năng nghề.

1.3. Gắn việc làm đô thị với nâng cao chất lượng sống và cân đối cung, cầu lao động, bảo đảm người lao động được thụ hưởng các thiết chế như nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, trường học, y tế cơ sở, giao thông công cộng, thiết chế văn hoá và dịch vụ thiết yếu tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. Đồng thời, chủ động chuẩn bị nhân lực cho khu công nghiệp, trung tâm kinh tế, dự án lớn, công trình trọng điểm; không để công trình trọng điểm, dự án lớn chậm tiến độ vì thiếu lao động có kỹ năng.

2. Tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng, bảo đảm sinh kế bền vững

2.1. Chú trọng tạo việc làm tại chỗ, nâng cao giá trị việc làm trong nông nghiệp, chuyển mạnh từ sản xuất thô, năng suất thấp sang nông nghiệp công

nghệ cao, nông nghiệp xanh tuần hoàn, gắn với chế biến sâu, logistics hiện đại và thương mại điện tử. Gắn giá trị sản phẩm với giá trị việc làm nông thôn; nông dân phải được phát triển từ lao động sản xuất đơn lẻ lên chủ thể của chuỗi giá trị.

2.2. Quan tâm phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản, dịch vụ cơ khí, vận tải, thương mại, môi trường, năng lượng tái tạo; phát triển OCOP, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới, kinh tế hộ liên kết chuỗi, khởi nghiệp nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế từng vùng. Phát triển đào tạo nghề cùng với tạo lập sinh kế; phát triển các mô hình kinh tế gắn với thị trường đầu ra và thu nhập của người dân.

2.3. Có lộ trình phù hợp chuyển dịch lao động nông thôn. Hướng nghiệp, đào tạo lao động nông thôn, mở rộng cơ hội chuyển dịch nghề nghiệp sang làm nông nghiệp hiện đại, làm công nghiệp, dịch vụ tại chỗ, tham gia chuỗi giá trị vùng, làm việc ở đô thị hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Bảo đảm người lao động được trang bị kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật, có bảo hiểm và dịch vụ việc làm.

3. Tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc

3.1. Giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ năng gắn với sinh kế, điều kiện thực tế của từng vùng, từng dân tộc, từng cộng đồng; không áp đặt mô hình chung, không đào tạo theo phong trào, hình thức. Đánh giá hiệu quả đào tạo bằng việc làm được tạo ra, sản phẩm được tiêu thụ và thu nhập của người dân tăng lên. Tập trung phát triển nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng, dược liệu, chăn nuôi, thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng, dịch vụ biên mậu, thương mại điện tử, sản phẩm địa phương, bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Mở rộng kết nối thị trường và dịch vụ việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà nước hỗ trợ hạ tầng, tín dụng, thông tin, đào tạo, tư vấn pháp luật; doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất liên kết bao tiêu, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng. Chính quyền địa phương tổ chức kết nối việc làm an toàn, hạn chế di cư tự do, lao động bấp bênh, bị lợi dụng, bị lừa đảo, gây phức tạp an ninh trật tự.

3.3. Phát triển việc làm gắn với bảo tồn bản sắc văn hoá, bảo vệ môi trường, giữ rừng, giữ đất, giữ nguồn nước, giữ biên cương, bảo đảm an ninh trật tự. Mục tiêu là tạo việc làm phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ văn hoá, tập quán sản xuất, giúp đồng bào dân tộc thiểu số ổn định đời sống, giảm nghèo bền vững, tự tin hội nhập, đóng góp vào phát triển chung của đất nước.

4. Đổi mới đào tạo nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng quốc gia, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn của quốc gia

4.1. Đổi mới mạnh mẽ việc phân luồng, giáo dục nghề nghiệp, đại học ứng dụng, cao đẳng thực hành, trường nghề chất lượng cao, học nghề kép và học tập suốt đời; xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; nghiên cứu phát triển mô hình trung học nghề phù hợp; nâng vị thế lao động thực hành giỏi, đưa học nghề trở thành con đường phát triển được coi trọng, có thu nhập và cơ hội thăng tiến.

4.2. Chú trọng đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng của doanh nghiệp, bộ, ngành, địa phương và thị trường. Các bộ quản lý ngành phải định hướng, đặt hàng nhân lực; địa phương phải xác định nhu cầu theo quy hoạch phát triển; doanh nghiệp phải tham gia xây dựng chương trình, tiếp nhận thực tập sinh, đào tạo tại chỗ, đánh giá kỹ năng và cam kết tuyển dụng. Trong liên kết "Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp", doanh nghiệp là trung tâm đặt hàng, thực hành và đánh giá chất lượng đầu ra.

4.3. Xây dựng chuẩn kỹ năng quốc gia, công nhận chứng chỉ kỹ năng nghề, phát triển hồ sơ kỹ năng của người lao động để có thể cập nhật, chuyển đổi kỹ năng trong suốt đời làm việc. Chuyển dần việc bố trí ngân sách đào tạo theo số lớp, số người học, số chứng chỉ sang căn cứ theo tỉ lệ có việc làm, mức lương sau đào tạo, mức độ hài lòng của doanh nghiệp, tỉ lệ làm đúng nghề, tỉ lệ tham gia bảo hiểm xã hội.

4.4. Phát triển mạnh công tác đào tạo lại, đào tạo nâng cao, học tập suốt đời và cơ chế liên kết "Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp". Có cơ chế hỗ trợ người lao động thường xuyên được học tập, tích luỹ chứng chỉ kỹ năng, sẵn sàng chuyển nghề, đáp ứng yêu cầu số hoá, xanh hoá và tái cấu trúc việc làm. Xác định cụ thể nội dung đào tạo theo từng ngành, từng trình độ, trong đó có công nghệ cao, công nghiệp xanh, dịch vụ hiện đại và nghề phù hợp với nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội

5.1. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải là kênh tạo việc làm, nâng thu nhập, rèn luyện kỹ năng, tiếp cận công nghệ, quản trị hiện đại, ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi, nâng cao điều kiện làm việc của người lao động.

5.2. Lao động về nước phải được kết nối với doanh nghiệp, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, chương trình khởi nghiệp, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kỹ năng, vốn, ngoại ngữ, tác phong tích luỹ ở nước ngoài cần được công nhận, sử dụng, lan toả, không để lãng phí nguồn lực.

5.3. Có cơ chế thu hút, trọng dụng chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài, lao động kỹ thuật cao, nhà quản lý, giảng viên, huấn luyện viên nghề, chuyên gia vận hành các dự án công nghệ cao. Đồng thời, bảo đảm nguyên tắc "thu hút để học, thuê để chuyển giao, dùng để đào tạo người Việt Nam làm chủ"; thu hút FDI phải gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng và nâng cấp vị trí của lao động Việt Nam trong chuỗi giá trị.

III- VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện ngay các nội dung trọng tâm sau:

1.1. Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực quốc gia và thị trường lao động hiện đại, làm rõ mục tiêu, lộ trình, nguồn lực, cơ chế phối hợp.

1.2. Rà soát thực trạng chất lượng nguồn lao động, xây dựng bản đồ thiếu hụt lao động và kỹ năng theo ngành, vùng, địa phương, trong đó có đô thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.3. Ban hành danh mục nghề trọng điểm cần đào tạo, đào tạo lại, ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ số, bán dẫn, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, dịch vụ hiện đại và nghề sinh kế tại chỗ. Cơ cấu lại các trường nghề cho phù hợp với mô hình tăng trưởng mới và không gian phát triển mới.

1.4. Triển khai chương trình tạo việc làm bền vững cho thanh niên, lao động nông thôn, lao động đô thị phi chính thức, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, lao động bị tác động bởi chuyển đổi số, tự động hoá; lồng ghép chính sách việc làm công trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện có hiệu quả.

1.5. Hoàn thiện chính sách phát triển khu vực việc làm chính thức, hỗ trợ doanh nghiệp tạo việc làm, nâng cao hiệu quả đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; đồng thời thu hút, trọng dụng nhân tài và lao động kỹ thuật cao.

1.6. Xây dựng bộ chỉ số giám sát hằng năm về chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp.

2. Về dài hạn, Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo xây dựng thị trường lao động hiện đại, minh bạch, linh hoạt, hội nhập; chuyển từ lợi thế lao động giá rẻ sang lợi thế nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, liên thông dữ liệu việc làm, bảo hiểm, đào tạo, doanh nghiệp, dân cư; phát triển hệ thống dịch vụ việc làm công hiện đại, chuyên nghiệp; hình thành hệ thống phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và kỹ năng nghề quốc gia theo ngành, địa bàn; xây dựng hệ thống đào tạo mở, linh hoạt, học tập suốt đời, giúp người lao động học lại, chuyển nghề, nâng cao kỹ năng; coi con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực và là mục tiêu của phát triển.

Trên đây là ý kiến kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Bộ Nội vụ và một số cơ quan về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới. Các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

Văn phòng Trung ương Đảng xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết, thực hiện.

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương;
- Đảng uỷ Bộ Nội vụ;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Hải Ninh